

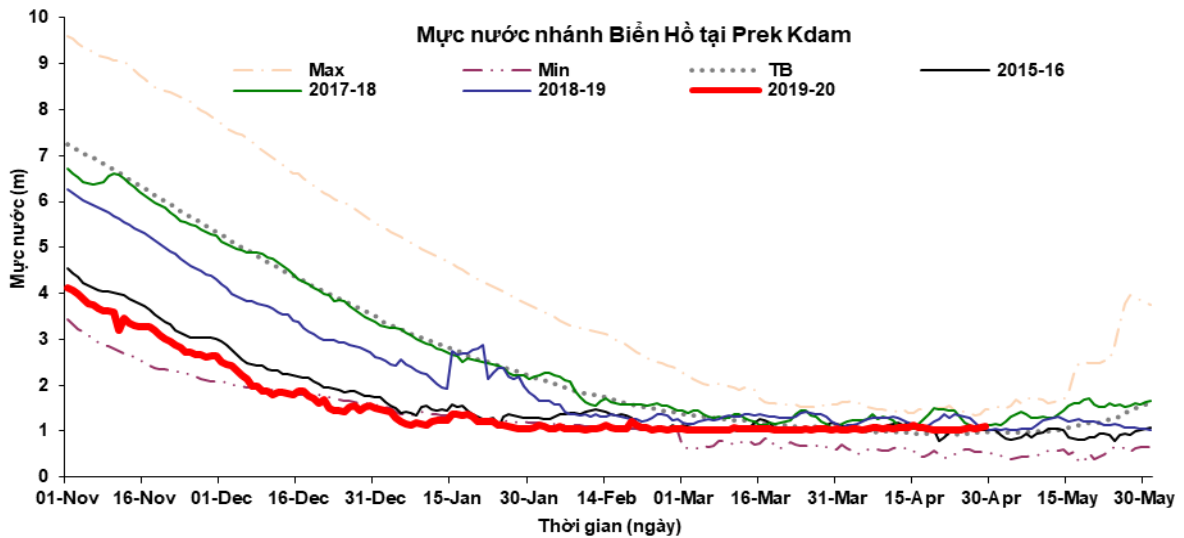
BẢN TIN DỰ BÁO
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
MÙA KIẾT NĂM 2019-2020
(Tuần từ 01/05-08/05/2020)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hiện nay, lưu vực sông Mê Công đang ở thời kỳ cuối mùa khô năm 2020. Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie (đầu châu thổ Mê Công). Dưới đây là cập nhật diễn biến của hai yếu tố này.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 29/4 ở cao trình 1,10m. Dung tích hồ còn khoảng 1,24¹ tỷ m³, lưu vực Biển Hồ còn đóng góp lượng điều tiết hàng ngày không đáng kể xuống hạ lưu.



Hình 1. Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 29/4

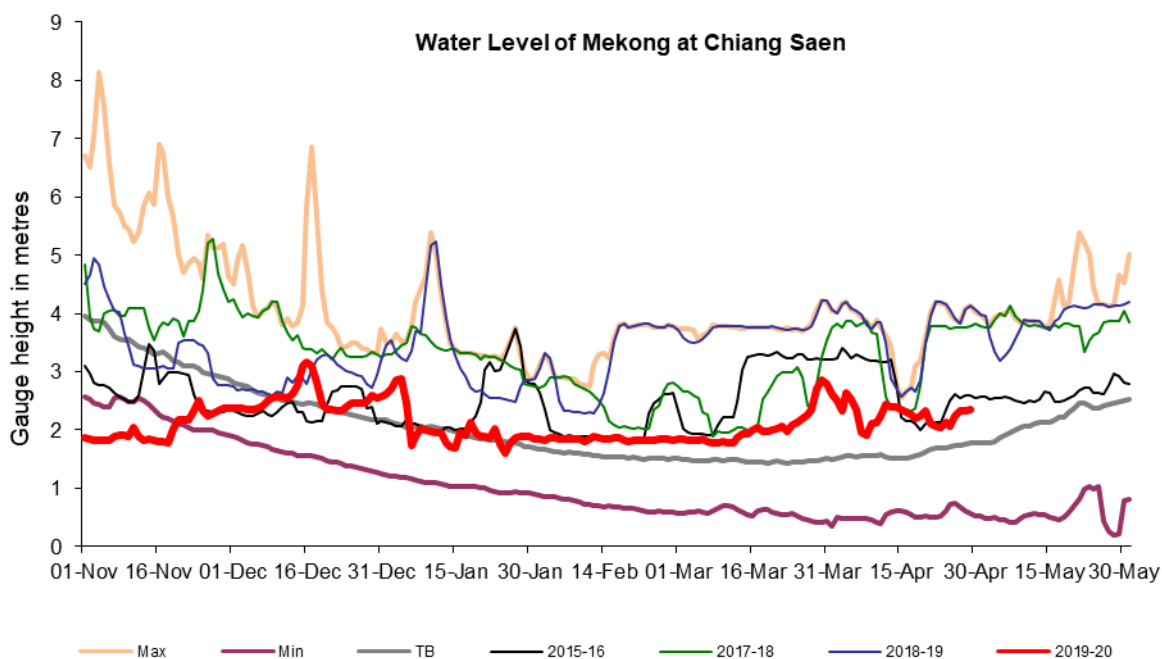
1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: So sánh mực nước các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

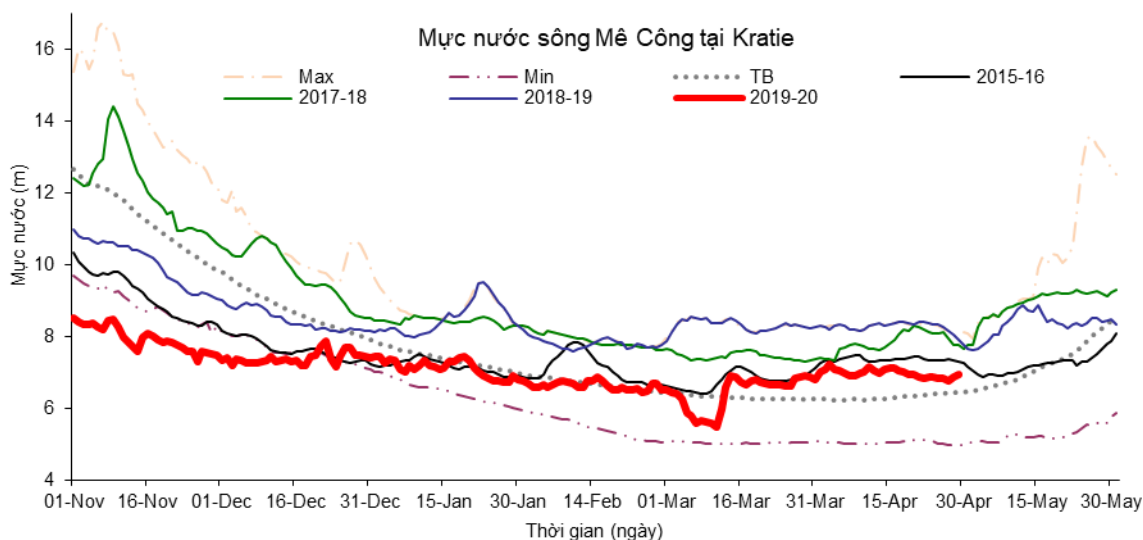
Trạm	Đơn vị	Ngày 29/4/2020	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m ³) so với một số năm cùng thời điểm; (-) là thấp hơn			
			Năm TB	2016	2017	2018
Chiang Saen	m	2,35	0,57	-0,25	-1,44	-1,79
Kratie	m	6,95	0,52	-0,34	-0,82	-0,97
Prekdam	m	1,10	0,12	0,08	-0,03	0,06
Dung tích hồ	Tỷ m ³	1,24	-0,43	0,05	-0,74	-0,55

¹ Dung tích hồ Tonle Sap cập nhật quan hệ Z~W

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 29/4/2020 tại trạm Kratie và trạm Chiang Saen trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước (cao độ tương đối) tại Chiang Saen –Thái Lan, cập nhật 29/4/2020



Hình 3. Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 29/4/2020

Bảng 2: So sánh mực nước lớn nhất cùng thời kỳ một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 29/4/2020	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn			
		Năm TB	2016	2017	2018
Tân Châu	1,36	0,21	0,46	-0,01	0,11
Châu Đốc	1,53	0,27	0,58	0,04	0,16
Mỹ Thuận	1,37	0,31	0,67	0,08	0,15
Cần Thơ	1,38	0,24	0,59	0,08	0,07

Trong tuần, từ ngày 23/04/2020 đến 29/04/2020 có mưa một vài nơi, tổng lượng mưa tại một số trạm điển hình như sau: Đức Hòa – Long An: 56,2mm, An Minh- Kiên Giang: 45,8mm, Phú Mỹ - Tiền Giang: 40,6mm, U Minh – Cà Mau: 39,6mm, Sa Đéc - Đồng Tháp: 21,0mm, Tri Tôn- An Giang: 14,8mm...

Mức nước phụ thuộc vào nước đến từ thượng nguồn và chu kỳ triều. Mức nước và lưu lượng tại hai trạm đầu nguồn ĐBSCL (Tân Châu và Châu Đốc) đã tăng lên so với tuần trước đó (mức nước tăng trong khoảng trên 0,3m lưu lượng tăng hơn 200 m³/s). Mức nước Tân Châu, Châu Đốc cao hơn trung bình nhiều năm từ 0,21 đến 0,27m so với cùng thời kỳ. Nội vùng đồng bằng, mức nước các trạm Cần Thơ và Mỹ Thuận cao hơn trung bình nhiều năm +0,07 đến +0,67m.

2. HIỆN TRẠNG MẶN XÂM NHẬP

Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất trong tuần (từ ngày 24/4/2020 đến ngày 29/4/2020) có xu thế giảm với ranh 4g/1 xâm nhập tại các cửa sông như sau:

Bảng 3: Xâm nhập mặn theo các sông trong tuần

Sông	Độ sâu xâm nhập mặn 2019-2020 (km)		So sánh với cùng kỳ (+/-km)
	Trong tuần (từ ngày 24/4-29/4/2020)	So với tuần trước (từ ngày 17/4-23/4/2020)	2016
Vùng hai sông Vàm Cỏ			
Vàm Cỏ Đông	80	-4	-20
Vàm Cỏ Tây	126	-5	+6
Vùng cửa sông Cửu Long			
Sông Cửa Tiểu	57	+2	+15
Sông Cửa Đại	57	+2	+14
Sông Hàm Luông	76	+3	+26
Sông Cổ Chiên	38	-1	+6
Sông Hậu	35	+0	+4
Vùng ven biển Tây trên sông Cái Lớn			
Sông Cái Lớn	58	+2	-10

3. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ VỀ ĐBSCL, NGUỒN NƯỚC 3 VÙNG

Nguồn nước mùa khô năm 2019-2020 về vùng Đồng bằng sông Cửu Long thấp hơn nhiều so với trung bình 10 năm gần đây. Lưu lượng bình quân tháng 2 thấp hơn so với trung bình và thấp hơn so với năm kiệt 2016. Chi tiết dự báo như bảng dưới.

Bảng 4: So sánh lưu lượng dự báo tại Kratie 2019-2020 với một số năm

Tháng	Qkratie (m ³ /s)	So với một số năm			
		Năm TB	2015-16	2016-17	2017-18
11	4.344	-3.636	- 7.971	-1.931	-6.370
12	3.499	-1.717	-4.152	-398	-2.240
1	3.163	-265	31	-1.684	-1.927
2	2.388	-52	-649	-1.221	-1.812
3	2.141	177	-472	-2.279	-1.392
4	2875	891	-529	-1766	-1275
5	3242	-90	-3	-3649	-2793

Năm 2019 khu vực thượng nguồn Trung Quốc cũng hạn hăng, thiếu hụt tổng lượng mưa so với trung bình nhiều năm lên tới 34%, các hồ thủy điện Trung Quốc tích nước đến cuối tháng 12/2019 và xả nước tiết kiệm, lượng xả từ đầu mùa khô phổ biến dao động trong khoảng 800-1.000m³/s. Vận hành gia tăng của các thủy điện Trung Quốc lên mức 2.300-2.700 m³/s như các năm trước là khó, mức độ gia tăng được xem là chỉ tương tự như ở năm 2016 cùng thời đoạn. Dự báo dòng chảy tăng nhẹ ở tháng 5, mặn sẽ giảm dần từ đầu tháng 5. Dưới đây là dự báo nguồn nước cho 3 vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ, nguồn nước được cải thiện, tận dụng thời điểm bơm tát ở các vị trí xa kênh trục.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre: ngọt có khả năng xuất hiện ở các cửa sông khi chân triều thấp, sông Cỏ Chiên 30-40km, sông Hậu 30-40km, sông Vàm Cỏ 90-110km, sông Cái Lớn 55-60km. Các sông Hàm Luông, cửa Đại và cửa Tiểu tận dụng thời điểm lấy nước vào kỳ triều thấp.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang): Duy trì các biện pháp chống hạn mặn và cấp nước sinh hoạt. Chủ động tích nước vào các thời điểm xuất hiện ngọt khi triều thấp.

4. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2020

Dự báo tiềm năng nguồn nước mùa khô năm 2019-2020, nước về ít ngay từ đầu mùa khô và mặn bất thường đã xảy ra sớm ngay từ đầu tháng 12 và có thể còn xảy ra những biến động bất thường ở bất cứ thời điểm nào theo vận hành thủy điện và các thời tiết cực đoạn, triều cường, gió Chướng. Vì vậy, các địa phương cần chủ động chuẩn bị các giải pháp ứng phó, phòng chống hạn mặn với trường hợp ở năm hạn mặn lịch sử. Dưới đây là một số khuyến cáo cho từng vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đến hiện tại được xem là có khó khăn do đầu nước thấp, cần chủ động điều tiết nước và bơm tát, các giải pháp cấp nước cho các vùng núi cao thuộc Tri Tôn, Tịnh Biên.

- Vùng giữa ĐBSCL: đề phòng ảnh hưởng mặn xâm nhập sâu do lưu lượng về thấp, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả. Giảm diện tích các vùng ven biển nơi chưa đảm bảo nguồn nước. Chủ động các giải pháp bơm trữ ngọt khi triều thấp, chủ động trữ nước cho các tuần trước triều cường ở các thời kỳ khan hiếm nước, hạn chế tiêu thoát nước. Mặn duy trì cao đến cuối tháng 4 và đầu tháng 5, *cần bảo vệ các nguồn nước hiện hữu (bổ sung đập tạm), kiểm tra thường xuyên nguồn nước, tích nước ngay khi có thể, có biện pháp giảm thiểu bốc thoát hơi nước cho cây trái (giữ ẩm gốc, tía bớt lá).*

- Vùng ven biển ĐBSCL: nguồn nước ngọt có nguy cơ bị thiếu hụt cao, xâm nhập mặn dự báo tại các cửa sông Cửu Long cao ngay ở tháng 1 và 2 và duy trì cao trong tháng 3 và kéo dài đến cuối tháng 4 và đầu tháng 5. Chủ động các giải pháp bơm trữ nước và cấp nước sinh hoạt.

5. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

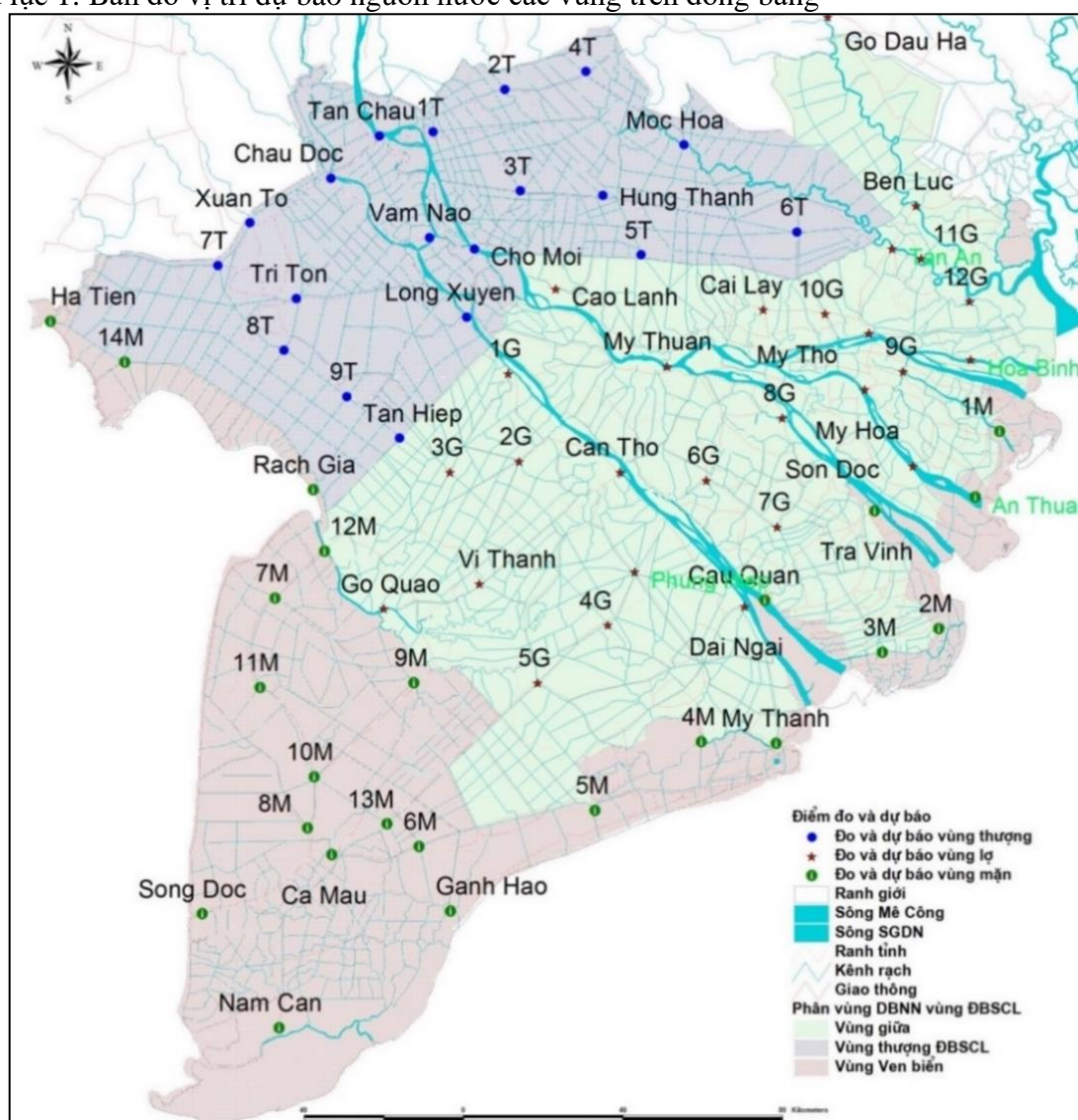
Với các diễn biến dòng chảy cập nhật về đồng bằng đến hiện nay, dòng chảy thấp dự báo còn kéo dài đến đầu tháng 5, mặn nền giảm nhưng vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao trong cuối tháng 4 và kéo dài đến đầu tháng 5. Các địa phương vận hành hệ thống công trình hợp lý, kiểm soát mặn thường xuyên ở các hệ thống thủy lợi, các cửa lấy nước, đảm bảo tích trữ nước và bảo vệ nguồn nước trong thời kỳ mặn lịch sử này. Cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân công của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: vkhtmlmn@gmail.com; htqt.siwr16@gmail.com và tcnbvtm@gmail.com./.

Phụ lục 1: Bản đồ vị trí dự báo nguồn nước các vùng trên đồng bằng



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	01/05	Ngày dự báo						
			02/05	03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	08/05
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	2T	0,76	0,74	0,71	0,68	0,68	0,69	0,70	0,75
2	3T	0,77	0,76	0,71	0,67	0,67	0,72	0,77	0,80
3	4T	0,41	0,42	0,37	0,31	0,27	0,26	0,27	0,30
4	5T	0,47	0,43	0,33	0,30	0,32	0,37	0,41	0,44
5	6T	0,59	0,56	0,48	0,45	0,45	0,47	0,53	0,58
6	7T	0,33	0,30	0,27	0,27	0,26	0,27	0,28	0,29
7	8T	0,34	0,32	0,27	0,24	0,22	0,21	0,23	0,25
8	9T	0,35	0,34	0,29	0,25	0,22	0,22	0,25	0,28
9	Châu Đốc	1,19	1,15	1,13	1,15	1,20	1,24	1,27	1,33
10	Hung Thạnh	0,66	0,64	0,56	0,50	0,48	0,49	0,52	0,56
11	Long Xuyên	1,11	1,11	1,10	1,16	1,23	1,30	1,33	1,37
12	Mộc hóa	0,50	0,48	0,42	0,37	0,36	0,38	0,41	0,44
13	Tân Châu	1,10	1,06	1,04	1,05	1,08	1,11	1,12	1,20
14	Tân Hiệp	0,36	0,35	0,30	0,25	0,21	0,22	0,27	0,30
15	Tri Tôn	0,36	0,34	0,29	0,26	0,24	0,23	0,25	0,27
16	Vàm Nao	0,88	0,88	0,85	0,83	0,86	0,94	1,01	1,04
17	Xuân Tô	0,35	0,32	0,29	0,29	0,28	0,29	0,30	0,31
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	10G	0,29	0,34	0,32	0,38	0,42	0,44	0,43	0,51
2	1G	1,05	1,08	1,08	1,16	1,26	1,34	1,36	1,40
3	2G	1,02	1,07	1,07	1,16	1,27	1,36	1,37	1,42
4	4G	0,71	0,75	0,78	0,86	0,94	0,97	1,01	1,09
5	5G	0,69	0,73	0,76	0,84	0,92	0,95	0,99	1,07
6	8G	0,92	1,02	1,04	1,10	1,17	1,19	1,23	1,31
7	9G	0,94	1,00	1,08	1,16	1,18	1,17	1,26	1,34
8	Bến Lức	0,82	0,88	0,89	0,88	0,92	1,02	1,10	1,13
9	Cần Thơ	0,98	1,05	1,05	1,15	1,28	1,37	1,38	1,43
10	Cao Lãnh	1,07	1,07	1,03	1,01	1,03	1,04	1,14	1,21
11	Gò Dầu Hạ	0,56	0,51	0,45	0,43	0,42	0,47	0,61	0,64
12	Vàm Kênh	0,78	0,90	0,98	0,95	1,06	1,14	1,15	1,23
13	Mỹ Hoà	0,91	1,01	1,05	1,16	1,21	1,19	1,24	1,35
14	Mỹ Tho	0,96	0,99	1,10	1,15	1,14	1,15	1,28	1,33
15	Mỹ Thuận	0,92	1,03	1,03	1,04	1,13	1,19	1,22	1,26
16	Phụng Hiệp	0,73	0,77	0,80	0,88	0,96	0,99	1,03	1,11
17	Tân An	0,85	0,90	0,97	0,97	0,94	1,04	1,12	1,14
18	Vị Thanh	0,49	0,48	0,45	0,42	0,38	0,39	0,42	0,46

III. Vùng ven biển									
1	10M	0,63	0,60	0,53	0,48	0,50	0,54	0,59	0,62
2	12M	0,48	0,46	0,47	0,44	0,39	0,41	0,48	0,52
3	13M	0,65	0,62	0,55	0,50	0,52	0,56	0,61	0,64
4	6M	0,60	0,57	0,50	0,45	0,47	0,51	0,56	0,59
5	7M	0,47	0,45	0,46	0,43	0,38	0,40	0,47	0,51
6	8M	0,62	0,59	0,52	0,47	0,49	0,53	0,58	0,61
7	9M	0,58	0,55	0,48	0,43	0,45	0,49	0,54	0,57
8	Cà Mau	0,64	0,61	0,54	0,49	0,51	0,55	0,60	0,63
9	Rạch Giá	0,25	0,20	0,19	0,18	0,11	0,14	0,27	0,30

Phụ lục 3: Cập nhật dự báo mặn vùng ven biển ĐBSCL

STT	Trạm	Mặn max trong tuần (g/l)	Ngày lớn nhất
1	An Thuận	26 - 28	01/05/2020
2	Cà Mau	30 - 31	01/05/2020
3	Cầu Quan	4 - 6	01/05/2020
4	Gành Hào	28 - 30	01/05/2020
5	Hà Tiên	28 - 30	01/05/2020
6	Mỹ Thanh	12 - 14	01/05/2020
7	Năm Căn	28 - 29	08/05/2020
8	Rạch Giá	18 - 20	08/05/2020
9	Sông Đốc	29 - 31	01/05/2020
10	Trà Vinh	4 - 6	01/05/2020